

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-3-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thủy
2. Ông Trương Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Chứ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1995

Trú tại: Bản Poom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Sùng A L, sinh năm 1992

Trú tại: Bản Poom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai đề ngày 31/12/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Lý Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc Mông tại địa phương từ năm 2009, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cưới xong, hai vợ chồng ở với gia đình nhà chồng được 01 năm thì ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc, vui vẻ cùng nhau lo làm ruộng nương và sinh con. Chung sống

đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không ai chịu nhường nhịn ai và hai vợ chồng thỏa thuận sống ly thân từ đó và hiện tại chị không có thai nghén. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không yêu thương anh Sùng A L nữa, mong Tòa án xem xét cho hai người chấm dứt mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng có 01 con chung, tên các cháu là: Sùng A V, sinh ngày 05/01/2011, hiện cháu đang là học sinh. Từ năm 2015 thì cháu ở với bố là Sùng A L, thi thoảng cháu vẫn sang ở với mẹ, hiện cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Nguyên vọng của chị là muốn trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Sùng A V cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con chung, nhưng đến phiên hòa giải và tại phiên Tòa chị không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nữa. Khi nào yêu cầu chị sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại tự khai và quá trình giải quyết, xét xử bị đơn Sùng A L trình bày:

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Đ gửi, anh thấy chị Lý Thị Đ trình bày là đúng sự thật, hai người cũng đã sống ly thân từ lâu rồi, nay không còn tình cảm gì nữa, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng của mình. Mong Tòa án xem xét cho chấm dứt quan hệ vợ chồng để yên tâm lo cuộc sống.

Về con chung: Hai người có 01 con chung, tên các cháu là: Sùng A V, sinh ngày 05/01/2011, hiện đang ở với anh L, nay chị Đ có nguyện vọng nuôi con chung thì anh đồng ý để chị Đ nuôi cháu Sùng A V cho đến khi cháu trưởng thành, sau này chị Đ nuôi cháu không tốt anh sẽ đề nghị giành lại quyền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đồng ý với ý kiến của chị Lý Thị Đ, là anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Sùng A V trình bày: Cháu thấy bố mẹ lâu nay không ở chung, cháu ở với bố cũng rất tốt, cháu thương cả bố và mẹ. Nếu bố mẹ cháu mà không sống chung thì cháu muốn được ở với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không công nhận chị Lý Thị Đ và anh Sùng A L là vợ chồng; Về con chung giao cháu Sùng A V cho chị Lý Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, anh L có quyền thăm non con chung, chị Đ không được ngăn cấm, cản trở. Anh Sùng A L không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ nần chung: Không giải quyết. Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lý Thị Đ là nguyên đơn, anh Sùng A L là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước th quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu cung cấp lời khai; lấy lời khai; xác minh tình trạng hôn nhân; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Về người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4] Về Hôn nhân: Chị Lý Thị Đ và anh Sùng A L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009 theo phong tục tập quán của người H'Mông, quá trình chung sống và đến nay anh chị không đăng ký kết hôn, đã sống ly thân từ năm 2015. Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.*

Chị Lý Thị Đ và anh Sùng A L chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, lúc này anh chị đã vi phạm các điều kiện kết hôn, đã có con chung, anh chị đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định, như vậy anh chị đã tảo hôn (Nhìn chung, vì phong tục tập quán của người H'Mông tại huyện Mường Lát đều tảo hôn và chị Lý Thị Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét để xử lý vi phạm hành chính về chế độ Hôn nhân và Gia đình). Khi anh chị đủ tuổi phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo điều 11 Luật HNGĐ năm 2000, nhưng đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Như vậy, anh chị đã vi phạm quy định tại điều 9 và điều 14 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2015. Nay anh, chị mâu thuẫn và chị Lý Thị Đ xin chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, anh Sùng A L cũng

đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng của hai người. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX không công nhận chị Lý Thị Đ và anh Sùng A L là vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Đ và anh Sùng A L.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì anh chị có 01 con, chị Đông và anh Lành đã thừa nhận cháu Sùng A V là con chung của hai người, hiện cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Chị Lý Thị Đ yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sùng A V, sinh ngày 05/01/2011 và cháu Vạn cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Lành cũng đồng ý để chị Lý Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đề nghị giao cháu Sùng A V cho chị Lý Thị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Sùng A V, sinh ngày 05/01/2011 cho chị Lý Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh Sùng A L có quyền đi lại thăm nom con chung, chị Lý Thị Đ không được ngăn cản cản trở. Giành quyền khởi kiện cho anh Sùng A L về thay đổi người trực tiếp nuôi theo quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị Đ không yêu cầu nên không giải quyết. Giành quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đông khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí và kháng cáo: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lý Thị Đ phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 68, điều 266, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282, điều 372 Bộ luật dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, điều 14, điều 58, điều 81, điều 83, điều 84, điều 88 Luật HN&GD năm 2015;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị Đ và anh Sùng A L.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng A V, sinh ngày 05/01/2009 cho chị Lý Thị Đ là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, hiện cháu phát triển bình thường về trí lực và thể lực. Anh Sùng A L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm cản trở. Anh Sùng A L có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sùng A L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho chị Đông khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ nần chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lý Thị Đ đã nộp ngày 04/01/2019 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000910 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát, T.Hóa;
- Nguyên đơn Lý Thị Đ;
- Bị đơn Sùng A L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Bình

Lê Thị Thủy

Nguyễn Tiến Dũng